

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2020/HS-ST
Ngày: 24-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Nhật Thanh.

- Ông Trương Ngọc Điệp;

- Ông Võ Hùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 272/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2020/HSST/QĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đặng Thanh S, sinh năm 1996, tại Ninh Thuận; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H (đã chết) và bà Châu Thị D (đã chết); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2020 cho đến nay; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Huỳnh Văn T, sinh năm 2000, tại Bình Định; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh T và bà Lê Thị T1; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2020 cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

- Bà Lý Phương T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bà Phạm Thị Như Q, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; có mặt.

- Bà Dương Thị T2, sinh năm 1987; địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người làm chứng: Thạch Văn H, Nguyễn Minh H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào khoảng 11 giờ ngày 26/6/2020, nh được tin báo của người dân, Công an phường C đã phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một mời 04 đối tượng gồm: Đặng Thanh S, Huỳnh Văn T, Thạch Văn H và Nguyễn Minh H đang thuê phòng của Khách sạn K về trụ sở Công an phường C để làm việc. Tại đây, S và T thừa nh đã cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản; H thừa nh đã thực hiện 01 vụ trộm trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một tiến hành khám xét khẩn cấp tại Khách sạn K và thu giữ được vật chứng gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển số 61B1-388.XX của Huỳnh Văn T, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 73H1-126.XX của Đặng Thanh S và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 61B1-036.XX của Thạch Văn H.

Quá trình điều tra xác định, Đặng Thanh S, Huỳnh Văn T đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: Ngày 15/6/2020, do không có tiền tiêu xài, S1 (chưa xác định được nhân thân) rủ Đặng Thanh S tìm tài sản để trộm, S đồng ý. S điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở S đi tìm tài sản lấy trộm. Khi chạy ngang qua nhà bà Lý Trúc L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, S và S nhìn thấy trong sân có một xe mô tô biển số 61B1-388.XX của bà Lý Phương T2 không có người trông coi. S dừng xe và đứng ngoài cánh giới còn S đi vào trong sân lấy xe có sẵn chìa khóa và nổ máy bỏ đi. Sau khi lấy xe, S đem bán được 3.500.000 đồng. S chia cho S 1.500.000 đồng và S đã tiêu xài hết.

2. Vụ thứ hai: Khoảng 05 giờ ngày 23/6/2020, Đặng Thanh S rủ Huỳnh Văn T đi tìm tài sản để trộm, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 61B1-388.XX chở S đi tìm tài sản lấy trộm. Khi chạy đến nhà trọ ông H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, T đứng ngoài đường cánh giới còn S đi vào bên trong nhà trọ để tìm tài sản. Khi đi ngang phòng trọ của bà Phạm Thị Như Q, S thấy cửa phòng không khóa nên đi vào bên trong lấy một bóp da để trên kệ tủ. S lấy hết tiền trong bóp được 5.400.000 đồng bỏ vào túi và bỏ lại bóp trước của phòng rồi bỏ đi. Sau đó, S chia cho T 500.000 đồng, số còn lại cả hai đã tiêu xài hết.

3. Vụ thứ ba: Khoảng 22 giờ ngày 26/6/2020, Huỳnh Văn T điều khiển xe mô tô biển số 61B1-388.XX chở Đặng Thanh S đi từ Khách sạn K về nhà trọ của S tại phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một. Khi đi ngang phường H, thành phố T, S nhìn thấy xe mô tô biển số 73H1-126.XX của bà Dương Thị T2 đang để trước sân và có sẵn chìa khóa. S hỏi T “Có xe để chìa khóa kia, có lấy không?”, T đồng ý. Sau đó, S vào lấy xe của bà T2 và cùng T chạy về Khách sạn K. Khoảng 11 giờ cùng ngày, S, T cùng Thạch Văn H và Nguyễn Minh Hùng đang ngủ trong phòng số 206 của Khách sạn K thì bị lực lượng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một phối hợp cùng Công an phường Chánh Nghĩa mời về trụ sở Công an phường Chánh Nghĩa để làm việc.

Ngày 04/7/2020, Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một có Bản kết luận định giá tài sản số 128/KLTS-TTHS và số 1149/KLTS-TTHS kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số

73H1-126.XX trị giá là 7.000.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu đỏ - đen, biển số 61B1-388.XX trị giá là 7.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo S, T đã khai nh hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, các bị hại không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo S, T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 03/7/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trả lại cho bà Dương Thị T2 một xe mô tô hiệu Honda loại Vision màu xanh, biển số 73H1-126.XX.

Đối với xe mô tô hiệu Honda loại Wave S màu đỏ đen, biển số 61B1-388.XX của bà Lý Phương T1, S đem bán cho người khác nên không thu hồi được.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen số khung RLCLIE3240JY132XXX, số máy E6X9E37XXX, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một tiến hành tra cứu nhưng không có dữ liệu và đã tiến hành đăng báo nhưng chưa có người nh nên đã chuyển xe trên cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Đối với đối tượng tên S, quá trình điều tra, không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 61B1-036.XX của Thạch Văn H không liên quan đến hành vi trộm cắp của S, T nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một tiến hành điều tra, xử lý bằng một vụ án khác.

- Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 283/CT-VKS – HS ngày 14/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Đặng Thanh S và Huỳnh Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Thanh S mức hình phạt tù 1 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T mức hình phạt tù 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đặng Thanh S có trách nhiệm bồi thường cho bà Lý Phương T1 7.000.000 đồng. Buộc các bị cáo S, T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Phạm Thị Như Q 5.400.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe số 61B1-388.XX.

Tịch thu sung công vào ngân sách Nhà nước: 01 mô tô đã qua sử dụng loại Yamaha Sirius, màu đỏ đen, không biển số, số máy: E6X9E37XXX, số khung: RLCLOE3240JY132XXX.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Quá trình điều tra, bị hại Dương Thị T2 không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại Lý Phương T1, Phạm Thị Như Q không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo S và T: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nh định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Thanh S và Huỳnh Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Ngày 15/6/2020, tại nhà của bà Lý Trúc L, bị cáo S và đối tượng tên S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đỏ, biển số 61B1-388.XX trị giá 7.000.000 đồng của bà Lý Phương T1. Ngày 23/6/2020, tại khu nhà trọ ông H, các bị cáo S và T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 5.400.000 đồng của bà Phạm Thị Như Q. Ngày 26/6/2020, tại nhà bà Dương Thị T2, các bị cáo S và T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 73H1-126.XX trị giá 7.000.000 đồng của bà Dương Thị T2. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo Đặng Thanh S và Huỳnh Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nh thức, các bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo S là người rủ rê bị cáo T tham gia thực hiện tội phạm và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Do đó, bị cáo S là người giữ vai trò là người cầm đầu. Bị cáo T khi được bị cáo S rủ rê đã

đồng ý tham gia thực hiện tội phạm và là người cảnh giới cho bị cáo S vào lấy tài sản. Do đó, bị cáo T là người giúp sức. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S tham gia thực hiện 3 vụ với tổng số tiền chiếm đoạt là 19.400.000 đồng. Bị cáo T tham gia thực hiện 2 vụ với tổng số tiền chiếm đoạt là 12.400.000 đồng. Do đó, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo; một phần tài sản đã được thu hồi và giao trả lại cho bị hại được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nh.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thanh S đồng ý bồi thường cho bà Lý Phương T1 số tiền 7.000.000 đồng và các bị cáo Đặng Thanh S, Huỳnh Văn T đồng ý bồi thường cho bà Phạm Thị Như Q số tiền 5.400.000 đồng nên Hội đồng xét xử sẽ buộc bị cáo Đặng Thanh S có trách nhiệm bồi thường cho bà T1 7.000.000 đồng và buộc bị cáo Đặng Thanh S và Huỳnh Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Q 5.400.000 đồng theo quy định tại các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự.

- Đối với xe mô tô biển số 73H1-126.XX của bà Dương Thị T2, quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trả lại xe cho bà T2 là đúng quy định pháp luật và bà T2 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 biển số xe số 61B1-388.XX không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe hai bánh đã qua sử dụng loại Sirius, màu đỏ đen, không biển số, số máy: E6X9E37XXX, số khung: RLCLOE3240JY132XXX là công cụ, phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136, Điều 260 và Điều XX3 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Đặng Thanh S, Huỳnh Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Thanh S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2020.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự buộc:

Các bị cáo Đặng Thanh S và Huỳnh Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị Như Q số tiền 5.400.000 (năm triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Đặng Thanh S có trách nhiệm bồi thường cho bà Lý Phương T1 số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe số 61B1-388.XX.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, loại xe hai bánh, màu đỏ đen, không biển số, số máy: E6X9E37XXX, số khung: RLCLIE3240JY132XXX (không kiểm tra chi tiết tình trạng hoạt động).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 011.21 ngày 09/10/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

4. Về án phí: Các bị cáo Đặng Thanh S và Huỳnh Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Đặng Thanh S và Huỳnh Văn T phải liên đới chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và bị cáo Đặng Thanh S phải chịu 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị cáo, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nh được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nh:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Nhật Thanh